

Số: 10 /BC-MNHHD

Thủ Dầu Một, ngày 5 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO CÔNG KHAI

Theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở: TRƯỜNG MẦM NON HOA HƯƠNG DƯƠNG

2. Địa điểm trụ sở chính: Số 392 đường Huỳnh Văn Cù, khu phố Chánh Lộc 7, phường Thủ Dầu Một, thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: 0274.3821.269; Fax: không

- Website: <http://mnhoahuongduong.tptdm.edu.vn>

- Email: mn-hoahuongduong@tptdm.edu.vn

3. Loại hình cơ sở giáo dục: Trường Mầm non Công lập.

Chức năng: Hoạt động trong lĩnh vực giáo dục mầm non

Nhiệm vụ: Nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ từ 24 tháng đến 5 tuổi

- Nhà trường thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao là tổ chức thực hiện nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ từ 24-36 tháng đến 5-6 tuổi. Thực hiện phát triển chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, nâng cao chất lượng về đội ngũ về trình độ, năng lực công tác và kỹ năng giảng dạy.

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu:

4.1 Sứ mệnh: Tạo dựng được môi trường học tập nề nếp, có kỷ cương, tình thương, trách nhiệm có chất lượng để tất cả trẻ trong nhà trường đều có cơ hội phát triển một cách toàn diện.

4.2 Tầm nhìn: Trường Mầm non Hoa Hương Dương phấn đấu tạo dựng được môi trường chăm sóc, giáo dục an toàn, lành mạnh, kỷ cương để giúp trẻ phát triển một cách toàn diện, trẻ biết sáng tạo, có năng lực tư duy.

4.3 Mục tiêu: Xây dựng một trường học thân thiện; Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho trẻ, hình thành nhân cách và chuẩn bị tốt cho trẻ vào lớp 1. Xây dựng nhà trường có uy tín, là mô hình giáo dục chất lượng cao phù hợp với xu thế phát triển của địa phương, của đất nước.

5. Quá trình hình thành và phát triển:

- Trường được thành lập theo quyết định số 104/1998/QĐUB ngày 9/9/1998 của Ủy ban nhân dân Thị xã Thủ Dầu Một ra quyết định, tiền thân là Mẫu giáo Hoa Hướng Dương.

- Năm 2011 trường được đầu tư xây mới, kiên cố quy mô trường chuẩn với tổng diện tích đất là 3.555,5m² quy mô 1 trệt, 1 lầu với tổng diện tích sàn xây dựng 3.275.0 m². Với quy mô bao gồm 14 phòng học, đầy đủ các phòng chức năng, nhà bếp, văn phòng và hội trường.

- Trường Đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 năm học 2014- 2015.

- Năm học 2016-2017 nhà trường được chuyển đổi loại hình từ trường Mẫu giáo sang loại hình trường Mầm non theo Quyết định số 4913/QĐ.UBND ngày 23 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Năm học 2024-2025: Trường Đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số: 1091/QĐ-UBND ngày 22/6/2025 của UBND tỉnh Bình Dương.

- Năm học 2024-2025: Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 theo Quyết định số 1108/QĐ-SGDĐT ngày 23/6/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo

- Trong nhiều năm liên trường được UBND tỉnh công nhận Tập thể Lao động xuất sắc, Bằng khen của UBND Tỉnh.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

- Họ và tên: **Trần Thị Mến**

- Chức vụ: Hiệu trưởng

- Địa chỉ nơi làm việc: Trường Mầm non Hoa Hướng Dương, số 392 đường Huỳnh Văn Cù, khu phố Chánh Lộc 7, phường Thủ Dầu Một, thành phố Hồ Chí Minh.

- Số điện thoại: 0274.3821.269

- Email: lanhmen78@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

- Ngày 9/9/1998: Thành lập trường mẫu giáo Hoa Hướng Dương theo Quyết định số 104/1998 của UBND thị xã Thủ Dầu Một

- Từ 01/7/2025 đến nay: Trường Mầm non Hoa Hướng Dương, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND phường Thủ Dầu Một.

- Nhà trường thực hiện kiện toàn các thành viên trong Hội đồng trường (nếu có thay đổi nhân sự) được UBND Thành phố ra Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 31/6/2024, quyết định về việc công nhận Hội đồng trường Mầm non Hoa Hướng Dương nhiệm kỳ 2024-2028 gồm có 11 thành viên:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	CHỨC DANH
1	Trần Thị Mến	Hiệu trưởng - Bí thư	Chủ tịch Hội đồng trường
2	Phạm Thị Kim Anh	PHT- Phó BT	Thành viên

3	Phạm Thúy Hằng	P. Hiệu trưởng	Thành viên
4	Nguyễn Thị Trang	Chủ tịch CĐCS	Thành viên
5	Nguyễn Thanh Hữu	Đại diện UBND phường CM	Thành viên
6	Vũ Đan Phúc	Hội trưởng BDD CM trẻ	Thành viên
7	Lê Thị Thu Hiền	Bí thư ĐTN	Thư ký
8	Nguyễn Thị Minh	TT tổ Văn phòng	Thành viên
9	Nguyễn Thị Mỹ Linh	TTCM Khối NT+Mầm	Thành viên
10	Nguyễn Thanh Thúy	TTCM Khối Chồi	Thành viên
11	Đỗ Thị Thu Diệp	TTCM Khối Lá	Thành viên

- Năm học 2024-2025 đội ngũ CBGVNV nhà trường có 38 người trong đó: 01 Hiệu trưởng; 03 Phó Hiệu trưởng; 20 giáo viên; 02 viên chức (kế toán, văn thư) và 12 nhân viên (04 bảo vệ; 01 phục vụ; 07 cấp dưỡng)

Hiệu trưởng: Trần Thị Mến - Quyết định bổ nhiệm số 33/QĐ- UBND, ngày 01/7/2025 của UBND phường Thủ Dầu Một;

Phó Hiệu trưởng: Phạm Thị Kim Anh - Quyết định bổ nhiệm số 164/QĐ- UBND, 08/7/2025 của UBND phường Thủ Dầu Một;

Phó Hiệu trưởng: Phạm Thúy Hằng - Quyết định bổ nhiệm số 165/QĐ- UBND, 08/7/2025 của UBND phường Thủ Dầu Một;

Phó Hiệu trưởng: Vũ Thiên Hà - Quyết định bổ nhiệm số 166/QĐ- UBND, ngày 08/7/2025 của UBND phường Thủ Dầu Một;

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo				
			Ths	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC
	Tổng số giáo viên, CBQL và nhân viên	37	0	19	6	0	12
I	Cán bộ quản lý	4	0	4	0	0	0

1	Hiệu trưởng	1	0	1	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	3	0	3	0	0	0
II	Giáo viên	19	0	13	6	0	0
1	Nhà trẻ	3	0	1	2	0	0
2	Mẫu giáo	17	0	12	4	0	0
III	Nhân viên	14	0	1	0	1	12
1	Nhân viên Văn thư	1	0	1	0	0	0
2	Nhân viên Kế toán	1	0	0	0	1	0
3	Nhân viên Y tế	0	0	0	0	0	0
4	Nhân viên Cấp dưỡng	7	0	0	0	0	7
5	Nhân viên Phục vụ	1	0	0	0	0	1
6	Nhan viên Bảo vệ	4	0	0	0	0	4

2. Số lượng, tỉ lệ CBQL, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp:

STT	Nội dung	Năm học 2024-2025 (Kết quả đạt)
1	Cán bộ quản lý	04
	Số lượng	04
	Tỷ lệ	100%
2	Giáo viên	19 (12: XL Tốt; 7: XL: Khá)
	Tỷ lệ	100%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026	Yêu cầu theo quy định
1	Điểm trường	01	02	
2	Tổng diện tích đất toàn trường (m ²)	3.555,5m ² /249	3.555,5m ² /249	đạt
	Diện tích bình quân mỗi trẻ (m ² /trẻ)	14.28 m ² /1trẻ	14.28 m ² /1trẻ	đạt
3	Khối phòng hành chính			đạt
3.1	Phòng hiệu trưởng	01	01	đạt
3.2	Phòng phó hiệu trưởng	02	02	đạt

3.3	Văn phòng trường	01	01	đạt
3.4	Phòng hành chính quản trị	01	01	đạt
3.5	Phòng bảo vệ	01	01	đạt
3.6	Nhà vệ sinh	02	02	Được bố trí theo các khối phòng hành chính. Phòng vệ sinh nam nữ riêng biệt.
3.7	Nhà để xe của CBGVNV có đủ chỗ và có mái che	01	01	đạt
4	Phòng chăm sóc, nuôi dưỡng (lớp học)	14	14	
4.1	Phòng học kiên cố	14	14	
4.2	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	54,52m ²	54,52m ²	đạt
4.3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	17.98 m ² /phòng	17.98m ² /phòng	đạt
4.4	Diện tích sân chơi (m ²)	34,56m ²	34,56m ²	đạt
5	Phòng tổ chức ăn			
5.1	Phòng bếp	01	01	đạt
5.2	Kho bếp	01	01	đạt
6	Khối phụ trợ			
6.1	Phòng hội trường (phòng họp)	01	01	đạt
6.2	Phòng y tế	01	01	Có giường bệnh và thiết bị y tế phục vụ sơ cấp cứu ban đầu
6.3	Nhà kho (dụng cụ và học phẩm)	01	01	đạt
6.4	Sân vườn (tổ chức vận động; sân khấu ngoài trời)	1.244m ²	1.244m ²	đạt
6.5	Cổng, hàng rào	Cổng rộng 6 m, chiều cao 2,2m, hàng rào bao quanh	Cổng rộng 6 m, chiều cao 2,2m, hàng rào bao quanh	đạt

ĐƯỜNG
MÀNG
D

7	Hạ tầng kỹ thuật			
7.1	Hệ thống cấp nước sạch	Có hệ thống cung cấp nước sạch và đầu nối nước thải theo quy định	Có hệ thống cung cấp nước sạch và đầu nối nước thải theo quy định	đạt
7.2	Hệ thống cấp điện	Đảm bảo đủ công suất và an toàn	Đảm bảo đủ công suất và an toàn	đạt
7.3	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy	Trang bị đầy đủ theo quy định hiện hành	Trang bị đầy đủ theo quy định hiện hành	đạt
7.4	Hạ tầng công nghệ thông tin (điện thoại; mạng internet...)	Sử dụng cáp mạng âm tường theo thiết kế thi công ban đầu.	Trang bị lại hệ thống cáp mạng bằng thiết bị wifi cho các khối lớp	đạt
7.5	Khu thu gom rác thải	Có khu vực tập kết rác thải riêng và hợp đồng thu gom rác hàng ngày đảm bảo vệ sinh	Có khu vực tập kết rác thải riêng và hợp đồng thu gom rác hàng ngày đảm bảo vệ sinh	đạt
8	Khối phòng phục vụ học tập			
8.1	Thư viện	01	01	đạt
8.2	Phòng máy	01	01	đạt
8.3	Phòng thể chất	01	02	đạt
8.4	Phòng nghệ thuật	01	02	đạt
9	Thiết bị đồ dùng, đồ chơi phục vụ chăm sóc giáo dục:			
9.1	Máy vi tính	25	25	đạt
9.2	Máy chiếu	01	01	đạt
9.3	Ti vi	12	12	đạt
9.4	Nhạc cụ (Đàn organ)	12	12	đạt
9.5	Máy photo	01	01	đạt

9.6	Đầu Video/đầu đĩa	09	09	đạt
9.7	Thiết bị âm thanh (Ampli, thùng bass)	01 bộ	01 bộ	đạt
9.8	Đồ chơi ngoài trời	25	25	đạt
9.9	Bàn ghế đúng quy cách	281 bộ	281 bộ	đạt
9.10	Thiết bị phát triển ngôn ngữ, làm quen với Tiếng Anh và kỹ năng tìm kiếm thông tin cho trẻ	10 bộ	10 bộ	đạt

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở; kế hoạch cải tiến chất lượng tự đánh giá:

- Thực hiện theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.

- Công văn 5942/BGDĐT-QLCL ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài trường mầm non.

- Năm học 2024-2025: Trường Đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số: 1091/QĐ-UBND ngày 22/6/2025 của UBND tỉnh Bình Dương.

- Năm học 2024-2025: Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 theo Quyết định số 1108/QĐ-SGDĐT ngày 23/6/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo

- Năm học 2025- 2026 nhà trường tiếp tục thực hiện duy trì công tác tự đánh giá.

+ Mức 1: Số lượng tiêu chí đạt: 25/25 tiêu chí, đạt tỉ lệ: 100%

+ Mức 2: Số lượng tiêu chí đạt: 25/25 tiêu chí. Đạt tỉ lệ: 100%

+ Mức 3: Số lượng tiêu chí đạt: 8/18 tiêu chí. Đạt tỉ lệ: 44%

Cụ thể: Đánh giá tiêu chí từ Mức 1,2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	x

Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	
Tiêu chí 1.5		x	x	
Tiêu chí 1.6		x	x	
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	x
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x	
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	
Tiêu chí 4.2		x	x	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	

Tiêu chí 5.2		X	X	
Tiêu chí 5.3		X	X	
Tiêu chí 5.4		X	X	

Kết quả: Tự đánh giá Đạt Mức 2

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định đạt chất lượng giáo dục:

Hoàn thiện và có quyết định công nhận trong năm học 2024-2025.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kết quả về thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ:

STT	Nội dung	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026
1	Tổng số lớp	12 (01 nhóm trẻ; 11 lớp mẫu giáo)	9 (01 nhóm trẻ; 8 lớp mẫu giáo)
2	Tổng số trẻ nhóm trẻ	12	22
2.1	Số trẻ bình quân/nhóm	12	22
3	Tổng số trẻ mẫu giáo	237	200
2.3.13	Số trẻ bình quân/lớp	30	25
4	Số trẻ học 2 buổi/ngày	249	222
5	Số trẻ được tổ chức ăn bán trú	249	222
6	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	249	222
6.1	<i>Số trẻ em được có tình trạng dinh dưỡng bình thường</i>	189	174
6.2	<i>Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân</i>	8	1
6.3	<i>Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi</i>	4	1
6.4	<i>Số trẻ suy dinh dưỡng thể hai thể</i>	1	0
6.5	<i>Số trẻ suy dinh dưỡng thể gầy còm</i>	1	2
6.6	<i>Số trẻ thừa cân béo phì</i>	46	44
7	Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi		



8	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0	0
---	-----------------------------------	---	---

2. Chất lượng thực hiện giáo dục:

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục trẻ đạt được	- 100% trẻ được khám sức khỏe 2 lần/năm - Cân đo trẻ theo quý 3 tháng 1 lần (tháng 9, 12, 3 thực hiện tổng cân đo) - 100% trẻ được đánh giá tình trạng dinh dưỡng và theo dõi biểu đồ phát triển - 100% trẻ được học tập theo chương trình giáo dục nhà trẻ hiện hành. - Tỷ lệ chuyên cần đạt: 97.1%.	- 100% trẻ được khám sức khỏe 2 lần/ năm - Cân đo trẻ 3 lần/ năm học (tháng 5 phối hợp với ngành y tế “Dự án cải thiện tình trạng dinh dưỡng” quốc gia đối với trẻ trên 60 tháng) - 100% trẻ được đánh giá tình trạng dinh dưỡng và theo dõi biểu đồ phát triển - 100% trẻ được học tập theo chương trình giáo dục mẫu giáo hiện hành theo hướng phát triển chủ đề. - 100% trẻ được chuẩn bị tốt các điều kiện cho trẻ lên lớp 1 ở trường phổ thông. - Tỷ lệ chuyên cần đạt: 93.4%. Riêng trẻ 5 tuổi đạt: 95.4%. - Tỷ lệ bé ngoan đạt: 90.4%. Riêng trẻ 5 tuổi: 94.1%.
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	- Chương trình giáo dục nhà trẻ - Chủ đề thực hiện: 10 chủ đề/35 tuần - Nhà trẻ: 10 chủ đề	- Chương trình giáo dục mẫu giáo - Chủ đề thực hiện 35 tuần + Khối Lá: 11 chủ đề + Khối Chồi: 10 chủ đề + Khối Mầm: 11 chủ đề
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	- Đạt từ 90% trở lên mục tiêu cần đạt cho trẻ từ 24 đến 36 tháng	- Đạt từ 90% trở lên mục tiêu cần đạt cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi.
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	- Cơ sở vật chất đầy đủ theo qui định hiện hành. - Đáp ứng yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ..	- Cơ sở vật chất đầy đủ theo qui định hiện hành. - Đáp ứng yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Số TT	Chỉ số thống kê	Năm 2025	Năm 2024	Ghi chú
1	2	3	4	
A	TỔNG THU		7.304.480.000 0	
I	Số thu phí, lệ phí			
1	Thu học phí lệ phí	298.800.000	357.480.000	
2	Khác			
II	Thu từ NSNN cấp (dự toán giao)	6.685.000.000		
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.765.000.000	5.612.000.000	
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.920.000.000	1.335.000.000	
B	TỔNG CHI	6.359.966.740	6.549.776.504	
I	Chi từ nguồn học phí	503.250.700	251.053.417	
1	Chi sự nghiệp bậc học mầm non			
a	Chi 60% hoạt động từ nguồn thu học phí	51.279.365	251.053.417	
b	Chi 40% bù lương từ nguồn thu học phí	451.971.335		
II	CHI TỪ NGUỒN NSNN	5.856.716.040	6.298.723.087	
I	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.676.235.509	5.385.165.117	
6000	Tiền lương	2.050.758.598	2.115.295.200	
6050	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	791.628.000	749.428.000	
6100	Phụ cấp lương	848.526.960	890.247.420	
6250	Phúc lợi tập thể		7.458.320	
6300	Các khoản đóng góp	742.997.566	761.422.607	
6200	Thưởng thường xuyên		124.985.600	
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	99.830.465	53.006.420	
6550	Vật tư văn phòng	34.886.150	21.882.000	
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	9.895.295	6.226.910	
6700	Công tác phí	13.200.000	16.500.000	
6750	Chi phí thuê mướn	11.532.000	33.264.000	
6900	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	16.879.000	38.934.640	
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn từng ngành	46.912.600	32.362.600	
7750	Chi khác	9.188.875	64.782.458	
7950	Chi khác		469.368.942	
II	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.180.480.531	913.557.970	

ẤU MÔ
 ỦNG
 HỖ TRỢ
 ĐỒNG DƯỠNG
 HN

6105	Phụ cấp làm thêm giờ	249.200.891	242.961.220	
6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	3.450.000	1.950.000	
6400	Chi các khoản thanh toán cho cá nhân	660.628.000	560.576.750	
6750	Chi phí thuê mướn		3.900.000	
6900	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí không thường xuyên			
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn từng ngành	18.900.000	12.750.000	
7750	Chi khác			
7766	Cấp bù học phí	161.640.000	1.620.000	
7799	Chi khác	94.500.000	89.800.000	
8049	Chi hỗ trợ khác			

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

- Triển khai thực hiện chuyên đề “ Xây dựng trường mầm non hạnh phúc lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021 – 2025”. Cụ thể hóa và thực hiện tốt thông điệp hành động “Xây dựng trường mầm non Hoa Hướng Dương bé vui khỏe – cô hạnh phúc”. Thực hiện hiệu quả các chuyên đề trọng tâm trong năm, khuyến khích giáo viên tích cực tham gia hội thi giáo viên giỏi cấp thành phố theo kế hoạch của phòng Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện hiệu quả các chuyên đề trọng tâm trong năm, chương trình “*Tôi yêu Việt Nam*” tổ chức thành công Hội thi: “*Bé vui vận động với an toàn giao thông*” cấp cơ sở. Tham gia Hội thi an toàn giao thông cấp thành phố và đạt nhiều giải thưởng: Giải nhất tranh tuyên truyền; giải Nhì về Kịch bản chương trình; giải Nhì tiêu phẩm; giải Khuyến khích trò chơi vận động; giải Cùm có trang phục ấn tượng nhất trong hội thi “ Bé vui An toàn giao thông”. Qua hội thi trẻ khắc sâu hơn các kiến thức đã được cô cung cấp về luật giao thông, và tuân thủ các biển báo khi tham gia giao thông trên đường.

- Duy trì thực hiện tốt chuyên đề “*Xây dựng trường Mầm non lấy trẻ làm trung tâm*”, thu hút sự quan tâm của cha mẹ trẻ, cộng đồng xã hội tham gia. Cải thiện, làm mới các khu vực sân chơi, quy hoạch, cải tạo vườn hoa của trường làm khu vui chơi vận động ngoài trời cho trẻ trong năm.

- Bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ trong nhà trường; chuẩn bị tốt các điều kiện để sẵn sàng cho việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non.

- Hỗ trợ giám sát các đơn vị mầm non ngoài công lập theo sự phân công của phòng Giáo dục và Đào tạo. Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi, thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo.

- Kết quả học BDTX năm 2024 - 2025: CBQL hoàn thành 04/04, giáo viên hoàn thành: 16/16 giáo viên và đăng ký học chương trình BDTX 2024-2025 là 04 CBQL, Năm học 2025-2026 CBGV đăng ký 19 GV và 04 CBQL tham gia học BDTX.

- Các đề tài sáng kiến nâng cao chất lượng trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ: cấp trường: 21 đề tài; cấp TP: 8/12 đề tài (2024-2025).

- Kết quả GVNV tham gia phong trào thi giáo viên dạy giỏi các cấp.

+ Cấp cơ sở: GV: 13/19 (tỷ lệ: 68,4%); CD: 4/7 (tỷ lệ: 57,1%)

+ Cấp TP: 3/3 GV (tỷ lệ: 50%).

- Hoàn thành kế hoạch đào tạo bồi dưỡng của trường: 01 giáo viên tham gia học nâng cao chuẩn trình độ ĐHMN; 01 giáo viên hoàn thành lớp TCCT; Đảm bảo 02 giáo viên/lớp. Giáo viên được tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Phối hợp tốt với Ban đại diện Cha mẹ trẻ thực hiện tốt công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Tổ chức tốt các ngày lễ, hội tại lớp, trường trang trọng đúng quy định. Tổ chức thành công các hoạt động cho trẻ như: chương trình Tôi yêu Việt Nam, tham quan trường tiểu học, tham quan di tích lịch sử tại địa phương, lễ tổng kết năm học, QTTN 1/6, tết trung thu, ngày hội đến trường của bé, lễ hội mừng xuân.... Huy động mọi nguồn lực hợp pháp để phát triển nhà trường, đạt được những kết quả theo kế hoạch vận động tài trợ đề ra để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

- Thực hiện tham mưu kịp thời với địa phương, sự phối hợp chặt chẽ với các ban ngành đoàn thể của địa phương và cha mẹ trẻ trẻ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục trẻ.

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, giáo viên thực hiện Chương trình Giáo dục Mầm non; Đổi mới sinh hoạt chuyên môn; Tăng cường hình thức theo cụm, khối, tổ, nhóm, tập trung, qua mạng; bồi dưỡng kỹ năng thực hành “tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm”; Nâng cao năng lực CBQL, giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và chăm sóc, giáo dục trẻ. Tham gia các hội thi cấp trường, tham gia hội thi GVDG, CD nấu ăn giỏi cấp thành phố, ngày Hội “ Bé với sản phẩm Stem/Steam”; “ Bé chuẩn bị vào lớp một”.

- Xây dựng và hiện kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ kế thừa, quan tâm đến giáo viên giỏi, trẻ; tạo điều kiện cho giáo viên cốt cán tham gia các lớp quản lý giáo dục, trung cấp chính trị, quản lý nhà nước. Tăng cường bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp, tình thương, trách nhiệm của cán bộ quản lý, giáo viên đối với trẻ. Bồi dưỡng kỹ năng UDCNTT.

- Thực hiện đúng các quy định về quản lý tài chính trong các trường mầm non; Các quy định tại Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng

Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

- Thực hiện Chỉ thị số 1737/CT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo. Tiếp tục triển khai thực hiện Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non.

- Thực hiện tốt các chỉ tiêu cần đạt trong năm học. Thực hiện tốt các quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường. Đảm bảo 100 % cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo theo Luật giáo dục 2019.

- Triển khai các nhiệm vụ bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu; Thực hiện Quy chế công khai đối với cơ sở giáo dục theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kì và đột xuất.

Trên đây là báo cáo công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của trường mầm non Hoa Hướng Dương học kỳ I năm học 2025-2026.

Nơi nhận:

- Phòng VHXXH (để b/c);
- BGH trường;
- Công khai website;
- Lưu VT./.

